

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2705/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Xây dựng Hợp khối Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng và Trung tâm Thông tin - ứng dụng - chuyển giao khoa học và công nghệ Thanh Hóa; Hạng mục: Đường vào trụ sở Hợp khối Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng và Trung tâm Thông tin - ứng dụng - chuyển giao khoa học và công nghệ Thanh Hóa; thu gom và xử lý rác thải.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ các Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4302/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 và số 2437/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư Xây dựng Hợp khối Trung tâm dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng và Trung tâm thông tin - ứng dụng - chuyển giao khoa học và công nghệ Thanh Hóa;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 19/TTr-SKHCN ngày 17/7/2017 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc đề nghị phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình : Xây dựng Hợp khối Trung tâm dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng và Trung tâm thông tin - ứng dụng - chuyển giao khoa học và công nghệ Thanh Hóa; Hạng mục: Đường vào trụ sở Hợp khối Trung tâm dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng và Trung tâm thông tin - ứng dụng - chuyển giao khoa học và công nghệ Thanh Hóa; thu gom và xử lý rác thải;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 4007/SXD-HĐXD ngày 26/7/2017 của Sở Xây dựng (kèm theo hồ sơ),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán xây dựng công trình : Xây dựng Hợp khối Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng và Trung Tâm thông tin - ứng dụng - chuyển giao khoa học và công nghệ Thanh Hóa; Hạng mục: Đường vào trụ sở Hợp khối Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng và Trung tâm Thông tin - ứng dụng

- chuyển giao khoa học và công nghệ Thanh Hóa; thu gom và xử lý rác thải với, những nội dung sau:

1. Tên công trình: Xây dựng Hợp khối Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng và Trung tâm Thông tin - ứng dụng - chuyển giao khoa học và công nghệ Thanh Hóa;

Hạng mục: Đường vào trụ sở Hợp khối Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng và Trung tâm Thông tin - ứng dụng - chuyển giao khoa học và công nghệ Thanh Hóa; thu gom và xử lý rác thải.

2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa.

5. Nhà thầu khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình: Công ty cổ phần Việt Thanh.

6. Các giải pháp thiết kế chủ yếu:

6.1. Hạng mục giao thông:

- Hướng tuyến và phương án tuyến:

+ Đoạn 01: Điểm đầu Km0+00 nối từ đầu đường gom (tại bờ kênh Bắc phía Đông Bắc cầu Quán Nam); điểm cuối Km0+103.80 đi dọc theo bờ kênh Bắc.

+ Đoạn 02: Điểm đầu Km0+00 nối tuyến 01 tại cọc D2 Km0+99.0m; điểm cuối Km0+103.05 tại tường rào phía sau trụ sở Hợp khối Trung tâm dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng và Trung tâm thông tin - ứng dụng - chuyển giao Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa.

+ Tổng chiều dài 2 tuyến $L=206.85m$

- Mặt cắt ngang:

+ Đoạn 01: Chiều rộng nền đường $B_n=13,5m$; chiều rộng mặt đường $B_m=7,50m$; chiều rộng hè đường $B_h=2 \times 3,0m$.

+ Đoạn 02: Chiều rộng nền đường $B_n=9,5m$; chiều rộng mặt đường $B_m=5,5m$; chiều rộng hè đường $B_h=2 \times 2,0m$.

+ Mặt đường dốc ngang 2%; hè đường dốc ngang 2% nghiêng vào trong.

- Thiết kế nền đường:

+ Đào bỏ lớp đất không đạt yêu cầu, lát lớp vải địa kỹ thuật, đắp trả bằng đất đầm lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$. Lớp đất dưới đáy áo đường dày 50cm phải đầm chặt $K \geq 0,98$.

+ Nền đường đắp thiết kế mái ta luy 1/1.5. Riêng đoạn 01 đi song song với bờ Kênh Bắc mái ta luy bên phải được đắp tới đỉnh bờ kênh. Gia cố mái ta luy bằng trồng cỏ.

- Thiết kế mặt đường: Mặt đường bê tông nhựa, Eyc ≥ 140 Mpa, gồm các lớp: Bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bảm TCN 1.0kg/m²; cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; cấp phối đá dăm loại II dày 32cm; đắp đất đầm chặt K98 dày 50cm

- Thiết kế bó vỉa, lát hè, cây xanh:

+ Bó vỉa hè bằng đá vát kích thước gồm 2 loại: Loại 1 trên đường thẳng KT(26x23x100)cm; loại 2 trên đường cong KT(26x23x50)cm đặt trên lớp bê tông M150 đá 1x2 dày 10cm dùng vữa xi măng M100 dày 2cm liên kết.

+ Lát hè bằng đá đục nhám KT(30x30x5)cm; đệm VXM M75 dày 2cm và cát vàng dày 5cm. Khóa vỉa hè bằng bê tông M150 KT(10x10)cm, đặt trên lớp bê tông M100 đá 1x2 dày 5cm, dùng vữa xi măng M75 dày 2cm liên kết.

+ Cây xanh+hố trồng cây ở đoạn 01: Bố trí trồng cây xanh ở giữa hè đường khoảng cách 10m bố trí 1 hố trồng cây xanh. Cây phải xanh chọn loại bốn mùa tán lá rộng chiều cao cây $H \geq 3$ m, đường kính gốc cây $D \geq 0.1$ m. Hố trồng cây bằng đá viên KT(12x12x120)cm; dưới đệm BTXM M100 dày 5cm liên kết bằng VXM M75 dày 2cm, bên trong đắp đất hữu cơ.

- Thiết kế thoát nước: Thoát nước bằng hệ thống rãnh nổi B60 kết hợp cống tròn $D=1,0$ m được thiết kế ở hai bên hè đường, thu nước khu vực vào hệ thống thoát nước của đường gom đã được xây dựng.

- Thiết kế nút giao: Tại các đường theo quy hoạch và đường vào cơ quan thiết kế bán kính tại mép đường $R=5.0$ m; kết cấu như tuyến chính.

6.2. Hạng mục thu gom và xử lý rác thải:

Đào xử lý rác khu đất có diện tích 667m² với độ sâu trung bình 1,41m và đắp trả bằng đất cấp III đầm chặt K85. Rác thải được thu gom và vận chuyển về bãi rác Đông Nam để xử lý.

7. Tổng dự toán xây dựng: 6.556.560.000 đồng.

(Sáu tỷ, năm trăm năm mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	5.549.308.405 đồng;
- Chi phí QLDA	111.944.685 đồng;
- Chi phí TVĐTXD	311.403.055 đồng;
- Chi phí khác	271.686.583 đồng;
- Chi phí dự phòng	312.217.136 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

9. Nguồn vốn: Nguồn đầu tư phát triển cho khoa học và công nghệ do Trung ương cân đối thông qua ngân sách địa phương, ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác (theo Quyết định số 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ); đối với nguồn tăng thêm do điều chỉnh, bổ sung thiết bị làm vượt tổng mức đầu tư đã phê duyệt, chủ đầu tư có trách

nhiệm huy động các nguồn huy động hợp pháp khác để thực hiện; hạng mục bổ sung tuyến đường vào trụ sở Hợp khối Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng và Trung tâm Thông tin - ứng dụng - chuyển giao khoa học và công nghệ Thanh Hóa từ nguồn vốn ngân sách tỉnh.

Điều 2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.



Nguyễn Đức Quyền

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Công trình Xây dựng Hợp khối Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng và Trung tâm Thông tin - ứng dụng - chuyển giao khoa học và công nghệ Thanh Hóa; Hạng mục: Đường vào trụ sở Hợp khối Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng và Trung tâm

(Kèm theo Quyết định số: 2705/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd		5.549.308.405
1	Nền mặt đường		Dự toán chi tiết	3.676.647.792
2	Rãnh thoát nước - Bó vỉa		nt	772.717.591
3	Lát vỉa hè - Trồng cây xanh		nt	423.075.228
4	Cống thoát nước D1000 dọc tuyến		nt	288.368.082
5	Rãnh thoát nước KĐ=0,6m		nt	138.371.644
6	Thu gom và xử lý rác thải		nt	250.128.068
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlđa	$G_{XD}^{trước VAT} \times 2,219\%$	111.944.685
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Gtv		311.403.055
1	Chi phí Khảo sát phần bổ sung		Theo QĐ phê duyệt điều chỉnh DAĐT 2437/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	56.549.000
2	Chi phí lập dự án đầu tư điều chỉnh		nt	38.653.000
3	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công phần bổ sung		$G_{XD}^{trước VAT} \times 1,237\%$	68.644.945
4	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT xây lắp		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,181\%$	10.044.248
5	Chi phí giám sát thi công XD		$G_{XD}^{trước VAT} \times 2,478\%$	137.511.862
IV	CHI PHÍ KHÁC	Gk		271.686.583
1	Chi phí rà phá bom mìn		Theo QĐ phê duyệt điều chỉnh DAĐT 2437/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	30.000.000
2	Chi phí thẩm định dự án đầu tư điều chỉnh		nt	1.429.606
3	Chi phí bảo hiểm công trình (theo TT số 329/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016)		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,025\%$	1.387.327
4	Chi phí thẩm định thiết kế (theo TT số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016)		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,083\%$	4.187.205
5	Chi phí thẩm định dự toán (theo TT số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016)		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,079\%$	3.985.412
6	Chi phí hạng mục chung		$G_{XD}^{trước VAT} \times 3,000\%$	166.479.252
7	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (tính cho phần bổ sung)		$TMĐT \times 50\% \times 0,437\%$	14.326.084
8	Chi phí kiểm toán (tính cho phần bổ sung)		$TMĐT \times 0,684\%$	44.846.870
9	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng (phần bổ sung)		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,100\%$	5.044.826

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			312.217.136
I	Chi phí dự phòng do khối lượng phát sinh lệ tạm tính		(I+II+III+IV) x 5%	312.217.136
	TỔNG CỘNG			6.556.559.865
	LÀM TRÒN			6.556.560.000
Sáu tỷ, năm trăm năm mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng/.				